

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA DU LỊCH VÀ ẨM THỰC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HK1 NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
1	2034240141	Nguyễn Tiến	Minh	Lớp 15DHNA02	2024	15	8,45	82	Giỏi	6.591.000	60%	3.954.600	
2	2034240148	Trần Thanh	Ngà	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,96	96	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
3	2034240019	Nguyễn Hoàng Duy	Bảo	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,89	75	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
4	2034240239	Trần Thị Mai	Trang	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,87	78	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
5	2034240166	Đinh Thị Quỳnh	Như	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,83	78	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
6	2034240099	Đặng Vũ Duy	Khánh	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,6	75	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
7	2034240025	Nguyễn Mai Minh	Châu	Lớp 15DHNA01	2024	19	7,56	84	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
8	2034240182	Nguyễn Bùi Trúc	Phương	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,53	93	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
9	2034240162	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Lớp 15DHNA01	2024	15	7,52	74	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
10	2034240071	Trương Thị Nhật	Hoa	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,51	76	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
11	2034240167	Lý Gia	Như	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,5	75	Khá	13.182.000	40%	5.272.800	
12	2034240085	Trịnh Ngọc Bảo	Huy	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,5	74	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
13	2034240054	Trần Quốc	Duy	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,49	86	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
14	2034240033	Lê Huỳnh Ngọc	Đại	Lớp 15DHNA02	2024	15	7,43	77	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
15	2034240008	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Lớp 15DHNA02	2024	15	7,41	76	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
16	2034240070	Vũ Minh	Hiếu	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,37	74	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
17	2034240242	Phạm Thị Ngọc	Trinh	Lớp 15DHNA01	2024	15	7,33	74	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
18	2034240174	Trần Lưu Phong	Lớp 15DHNA01	2024	15	7,32	81	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
19	2034240020	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,29	72	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
20	2034240207	Huỳnh Đăng An Thành	Lớp 15DHNA04	2024	15	7,21	102	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
21	2034240056	Ninh Thị Vân Giang	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,21	81	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
22	2034240004	Ngô Thị Kiều Anh	Lớp 15DHNA01	2024	15	7,17	76	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
23	2034240079	Huỳnh Trần Khánh Huy	Lớp 15DHNA01	2024	15	7,17	76	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
24	2034240086	Trương Trần Gia Huy	Lớp 15DHNA02	2024	15	7,17	73	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
25	2034240211	Phan Thị Thanh Thảo	Lớp 15DHNA03	2024	15	7,15	77	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
26	2034240155	Bùi Kiều Yên Nhi	Lớp 15DHNA01	2024	15	7,12	86	Khá	6.591.000	40%	2.636.400	
27	2024240375	Đặng Phương Nghi	Lớp 15DHQTDVLH02	2024	19	8,61	87	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
28	2024240658	Trần Nguyễn Phương Thùy	Lớp 15DHQTDVLH11	2024	19	8,6	90	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
29	2024240659	Huỳnh Lê Thu Thủy	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,6	88	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
30	2024240331	Bùi Thảo My	Lớp 15DHQTDVLH06	2024	19	8,5	102	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
31	2024240534	Phạm Đỗ Quyên	Lớp 15DHQTDVLH02	2024	19	8,44	82	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
32	2024240071	Lê Gia Bình	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,43	104	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
33	2024240199	Trần Thị Quế Hương	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,43	84	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
34	2024240517	Nguyễn Ngọc Phượng	Lớp 15DHQTDVLH10	2024	19	8,42	81	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
35	2024240577	Trần Nguyễn Thu Thanh	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,39	83	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
36	2024240846	Phạm Ngọc Như Ý	Lớp 15DHQTDVLH07	2024	19	8,36	96	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
37	2024240506	Nguyễn Thị Như Phụng	Lớp 15DHQTDVLH08	2024	19	8,34	83	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
38	2024240058	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Lớp 15DHQTDVLH02	2024	19	8,32	86	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
39	2024240766	Nguyễn Thị Mộng	Tươi	Lớp 15DHQTDVLH10	2024	19	8,31	84	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
40	2024240154	Nguyễn Thị Thu	Hân	Lớp 15DHQTDVLH10	2024	19	8,29	89	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
41	2024240113	Nguyễn Thùy	Dương	Lớp 15DHQTDVLH06	2024	19	8,25	81	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
42	2024240523	La Đặng Anh	Quân	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,23	91	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
43	2024240353	Trần Thị Thúy	Nga	Lớp 15DHQTDVLH07	2024	19	8,23	86	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
44	2024240167	Nguyễn Nhân	Hậu	Lớp 15DHQTDVLH05	2024	19	8,22	133	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
45	2024240422	Huỳnh Thị Minh	Nguyệt	Lớp 15DHQTDVLH11	2024	19	8,22	82	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
46	2024240477	Vũ Thị Quỳnh	Như	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,17	94	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
47	2024240213	Đỗ Huỳnh Khánh	Huyền	Lớp 15DHQTDVLH12	2024	19	8,17	90	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
48	2024240603	Mai Đức	Thịnh	Lớp 15DHQTDVLH06	2024	19	8,15	89	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
49	2024240018	Sàn Gia	Ân	Lớp 15DHQTDVLH11	2024	19	8,13	84	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
50	2024240513	Nguyễn Thị Nhã	Phương	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,05	104	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
51	2024240605	Nguyễn Quốc	Thịnh	Lớp 15DHQTDVLH11	2024	19	8,05	86	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
52	2024240714	Nguyễn Huyền	Trân	Lớp 15DHQTDVLH01	2024	19	8,05	84	Giỏi	16.634.000	60%	9.980.400	
53	2030240183	Lưu Ngọc	Mai	Lớp 15DHQTDVNH03	2024	17	8,41	82	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
54	2030240178	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Lớp 15DHQTDVNH08	2024	17	8,21	86	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
55	2030240452	Bùi Thái Phương	Vy	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	8,21	85	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
56	2030240200	Nguyễn Thị Kiều	My	Lớp 15DHQTDVNH06	2024	17	8,13	88	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
57	2030240267	Lê Trần Quỳnh	Như	Lớp 15DHQTDVNH05	2024	17	8,09	84	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
58	2030240228	Huỳnh Tuyết Ngọc	Lớp 15DHQTDVNH08	2024	17	8,08	82	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
59	2030240404	Trương Hồ Ái Trâm	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	8,08	82	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
60	2030240008	Võ Nguyễn Thiên Ân	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	8,02	89	Giỏi	14.671.000	60%	8.802.600	
61	2030240401	Nguyễn Võ Ngọc Trâm	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	8,49	75	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
62	2030240392	Võ Thị Kim Tiến	Lớp 15DHQTDVNH01	2024	17	8,31	76	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
63	2030240018	Ngô Quế Anh	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	8,24	74	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
64	2030240151	Dương Âu Quỳnh Lam	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	8,09	75	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
65	2030240096	Đỗ Nguyễn Thương Hiền	Lớp 15DHQTDVNH02	2024	17	8,01	76	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
66	2030240112	Nguyễn Lưu Chấn Hưng	Lớp 15DHQTDVNH04	2024	17	7,99	78	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
67	2030240130	Nguyễn Bá Duy Khang	Lớp 15DHQTDVNH07	2024	17	7,99	78	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
68	2030240043	Lâm Tuyết Châu	Lớp 15DHQTDVNH05	2024	17	7,98	75	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
69	2030240210	Lê Thị Thanh Ngân	Lớp 15DHQTDVNH01	2024	17	7,95	73	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
70	2030240258	Phan Thùy Phương Nhi	Lớp 15DHQTDVNH01	2024	17	7,88	75	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
71	2030240255	Nguyễn Long Nhi	Lớp 15DHQTDVNH03	2024	17	7,85	94	Khá	14.671.000	40%	5.868.400	
72	2038240282	Phan Huỳnh My	Lớp 15DHQTKS08	2024	16	8,53	108	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
73	2038240422	Phạm Văn Phục	Lớp 15DHQTKS01	2024	16	8,51	88	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
74	2038240448	Nguyễn Thị Tô Quyên	Lớp 15DHQTKS01	2024	16	8,49	89	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
75	2038240298	Lê Kim Ngân	Lớp 15DHQTKS02	2024	16	8,48	85	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
76	2038240192	Nguyễn Thị Diệu Huyền	Lớp 15DHQTKS01	2024	16	8,47	90	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
77	2038240593	Tổng Thanh Triệu	Lớp 15DHQTKS03	2024	16	8,23	96	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
78	2038240077	Lê Vĩnh Đặng Linh	Đan	Lớp 15DHQTKS03	2024	16	8,23	87	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
79	2038240176	Cao Thị Mỹ	Hương	Lớp 15DHQTKS09	2024	16	8,22	83	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
80	2038240536	Cù Thị Thu	Thúy	Lớp 15DHQTKS09	2024	16	8,14	88	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
81	2038240130	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	Lớp 15DHQTKS09	2024	16	8,13	95	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
82	2038240522	Nguyễn Kiều	Thư	Lớp 15DHQTKS05	2024	16	8,11	101	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
83	2038240612	Nguyễn Lương Gia	Tuệ	Lớp 15DHQTKS08	2024	16	8,02	84	Giỏi	13.808.000	60%	8.284.800	
84	2038240159	Trần Ngọc Minh	Hiếu	Lớp 15DHQTKS01	2024	16	8,49	73	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
85	2038240277	Ngô Thảo	My	Lớp 15DHQTKS08	2024	16	8,43	79	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
86	2038240633	Lê Hương	Vì	Lớp 15DHQTKS08	2024	16	8,24	76	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
87	2038240567	Phạm Thị Bảo	Trâm	Lớp 15DHQTKS05	2024	16	8,19	74	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
88	2038240365	Nguyễn Ngọc An	Nhi	Lớp 15DHQTKS08	2024	16	8,13	76	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
89	2038240614	Nguyễn Kim	Tuyền	Lớp 15DHQTKS10	2024	16	8,13	76	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
90	2038240648	Mai Thảo	Vy	Lớp 15DHQTKS08	2024	16	8,06	76	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
91	2038240377	Đặng Nguyễn Quỳnh	Như	Lớp 15DHQTKS05	2024	16	8,03	77	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
92	2038240122	Trần Bích	Hà	Lớp 15DHQTKS05	2024	16	7,97	83	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
93	2038240455	Huỳnh Việc Nhật	Quỳnh	Lớp 15DHQTKS02	2024	16	7,96	80	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
94	2038240208	Tạ Anh	Khoa	Lớp 15DHQTKS02	2024	16	7,96	75	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
95	2038240542	Nguyễn Thụy Phương	Thùy	Lớp 15DHQTKS01	2024	16	7,92	74	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
96	2038240565	Nguyễn Thụy Thùy	Trâm	Lớp 15DHQTKS04	2024	16	7,91	74	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
97	2038240204	Trần Thị Vân	Khánh	Lớp 15DHQTKS07	2024	16	7,89	77	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
98	2038240259	Đinh Thị Ngọc	Mai	Lớp 15DHQTKS04	2024	16	7,87	84	Khá	13.808.000	40%	5.523.200	
99	2028240122	Lê Ngọc Như	Tâm	Lớp 15DHDD01	2024	18	8,24	80	Giỏi	7.767.000	60%	4.660.200	
100	2028240133	Lê Quang	Thông	Lớp 15DHDD01	2024	18	7,82	85	Khá	7.767.000	40%	3.106.800	
101	2028240063	Lê Thị Thùy	Linh	Lớp 15DHDD02	2024	18	7,74	76	Khá	7.767.000	40%	3.106.800	
102	2028240068	Nguyễn Phương Mẫn	Mẫn	Lớp 15DHDD02	2024	18	7,46	74	Khá	7.767.000	40%	3.106.800	
103	2028240019	Đoàn Kim	Bình	Lớp 15DHDD02	2024	18	7,13	80	Khá	7.767.000	40%	3.106.800	
104	2028240116	Nguyễn Như	Quỳnh	Lớp 15DHDD02	2024	18	7,09	81	Khá	7.767.000	40%	3.106.800	
105	2038230071	Nguyễn Ngọc	Hào	Lớp 14DHQTKS01	2023	20	8,71	113	Giỏi	15.868.500	60%	9.521.100	
106	2038230157	Võ Thị Thanh	Ngân	Lớp 14DHQTKS02	2023	20	8,64	91	Giỏi	15.933.750	60%	9.560.250	
107	2038230105	Lương Gia	Kiện	Lớp 14DHQTKS03	2023	18	8,53	90	Giỏi	14.481.500	60%	8.688.900	
108	2038230362	Lê Hoàng	Yến	Lớp 14DHQTKS02	2023	18	8,39	86	Giỏi	14.481.500	60%	8.688.900	
109	2038230200	Đinh Lương Quỳnh	Như	Lớp 14DHQTKS01	2023	18	8,32	80	Giỏi	14.363.750	60%	8.618.250	
110	2038230087	Văn Thị Ánh	Hồng	Lớp 14DHQTKS05	2023	18	8,3	82	Giỏi	14.481.500	60%	8.688.900	
111	2038230135	Đào Nguyễn Khánh	Mai	Lớp 14DHQTKS01	2023	18	8,27	80	Giỏi	14.363.750	60%	8.618.250	
112	2038230074	Lê Thị Ngọc	Hân	Lớp 14DHQTKS04	2023	18	8,25	96	Giỏi	14.481.500	60%	8.688.900	
113	2038230163	Lê Thị Bích	Ngọc	Lớp 14DHQTKS05	2023	18	8,22	83	Giỏi	14.481.500	60%	8.688.900	
114	2038230121	Trần Quang Nhật	Linh	Lớp 14DHQTKS03	2023	18	8,21	98	Giỏi	14.481.500	60%	8.688.900	
115	2030230149	Trần Thị Như	Ngọc	Lớp 14DHQTDVNH02	2023	19	8,49	95	Giỏi	15.266.500	60%	9.159.900	
116	2030230096	Phạm Thị Trúc	Lan	Lớp 14DHQTDVNH02	2023	21	8,2	84	Giỏi	16.836.500	60%	10.101.900	
117	2030230266	Trương Nguyễn Khánh	Vy	Lớp 14DHQTDVNH01	2023	16	8,13	86	Giỏi	12.911.500	60%	7.746.900	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
118	2030230169	Lâm Tâm	Như	Lớp 14DHQTDVNH03	2023	21	8	93	Giỏi	16.524.300	60%	9.914.580	
119	2030230141	Lê Minh	Nghĩa	Lớp 14DHQTDVNH03	2023	19	8,59	74	Khá	15.266.500	40%	6.106.600	
120	2030230166	Nguyễn Thị Ngọc	Như	Lớp 14DHQTDVNH02	2023	19	8,23	74	Khá	15.266.500	40%	6.106.600	
121	2030230002	Hàn Viết	An	Lớp 14DHQTDVNH01	2023	19	8,14	74	Khá	15.266.500	40%	6.106.600	
122	2030230185	Hoàng Thị Thanh	Phương	Lớp 14DHQTDVNH02	2023	22	7,99	82	Khá	17.386.000	40%	6.954.400	
123	2030230127	Lê Thị Hoài	Nương	Lớp 14DHQTDVNH03	2023	21	7,98	84	Khá	16.524.300	40%	6.609.720	
124	2024230223	Đào Thị Mỹ	Trình	Lớp 14DHQTDVLH03	2023	19	8,69	109	Giỏi	15.255.750	60%	9.153.450	
125	2024230186	Huỳnh Trang	Thanh	Lớp 14DHQTDVLH01	2023	22	8,69	98	Giỏi	17.610.750	60%	10.566.450	
126	2024230124	Trần Thiên	Nhạc	Lớp 14DHQTDVLH03	2023	22	8,65	83	Giỏi	17.943.550	60%	10.766.130	
127	2024230072	Ngô Huỳnh Kim	Khánh	Lớp 14DHQTDVLH01	2023	22	8,55	99	Giỏi	17.610.750	60%	10.566.450	
128	2024230184	Tô Hồng	Thái	Lớp 14DHQTDVLH01	2023	22	8,4	101	Giỏi	17.610.750	60%	10.566.450	
129	2024230158	Thái Kim	Quyên	Lớp 14DHQTDVLH01	2023	22	8,36	89	Giỏi	17.493.000	60%	10.495.800	
130	2024230191	Nguyễn Vũ Phương	Thảo	Lớp 14DHQTDVLH01	2023	22	8,2	85	Giỏi	17.493.000	60%	10.495.800	
131	2034231120	Đỗ Thị Phương	Thảo	Lớp 14DHNA02	2023	18	8,25	87	Giỏi	15.202.250	60%	9.121.350	
132	2034230045	Phan Nhựt	Huy	Lớp 14DHNA01	2023	18	8,24	87	Giỏi	15.202.250	60%	9.121.350	
133	2034230116	Nguyễn Thị Anh	Thư	Lớp 14DHNA01	2023	18	8,24	87	Giỏi	15.202.250	60%	9.121.350	
134	2034230140	Võ Thị Kim	Yến	Lớp 14DHNA02	2023	21	8,08	80	Giỏi	17.342.250	60%	10.405.350	
135	2028230006	Trương Quang	Anh	Lớp 14DHDD01	2023	19	8,74	86	Giỏi	15.117.250	60%	9.070.350	
136	2028230009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Lớp 14DHDD02	2023	23	8,3	96	Giỏi	18.218.000	60%	10.930.800	
137	2028231239	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Lớp 14DHDD01	2023	19	8,27	86	Giỏi	15.345.000	60%	9.207.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
138	2038225605	Đoàn Thị Diệu	Trinh	Lớp 13DHQTKS02	2022	15	8,29	83	Giỏi	11.817.000	60%	7.090.200	
139	2038220186	Trần Lê Đức	Anh	Lớp 13DHQTKS02	2022	20	8,22	98	Giỏi	15.552.000	60%	9.331.200	
140	2038223775	Đoàn Ngọc Thanh	Phúc	Lớp 13DHQTKS01	2022	16	8,2	99	Giỏi	12.427.000	60%	7.456.200	
141	2038221008	Huỳnh Trọng	Đức	Lớp 13DHQTKS01	2022	18	8,18	82	Giỏi	13.887.000	60%	8.332.200	
142	2030220045	Trương Kim Ngọc	An	Lớp 13DHQTDVNH02	2022	16	8,67	92	Giỏi	12.295.000	60%	7.377.000	
143	2030221941	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	Lớp 13DHQTDVNH01	2022	18	8,66	100	Giỏi	13.792.000	60%	8.275.200	
144	2030223899	Nguyễn Ngọc	Phượng	Lớp 13DHQTDVNH01	2022	20	8,51	90	Giỏi	15.179.000	60%	9.107.400	
145	2030220684	Nguyễn An	Dũng	Lớp 13DHQTDVNH01	2022	17	8,44	90	Giỏi	12.879.000	60%	7.727.400	
146	2030224463	Nguyễn Minh	Toàn	Lớp 13DHQTDVNH01	2022	26	8,43	91	Giỏi	20.103.000	60%	12.061.800	
147	2024222223	Đỗ Hoàng Minh	Lân	Lớp 13DHQTDVLH01	2022	16	8,88	90	Giỏi	12.705.000	60%	7.623.000	
148	2024222244	Trần Công	Liêm	Lớp 13DHQTDVLH01	2022	16	8,69	94	Giỏi	12.705.000	60%	7.623.000	
149	2024224624	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	Lớp 13DHQTDVLH01	2022	21	8,47	98	Giỏi	17.236.000	60%	10.341.600	
150	2024221764	Nguyễn Như	Huỳnh	Lớp 13DHQTDVLH02	2022	17	8,47	84	Giỏi	13.435.000	60%	8.061.000	
151	2024221198	Châu Nhật	Hào	Lớp 13DHQTDVLH01	2022	16	8,43	94	Giỏi	12.705.000	60%	7.623.000	
152	2034225614	Lý Kim	Trinh	Lớp 13DHNA01	2022	22	8,38	83	Giỏi	17.219.800	60%	10.331.880	
153	2034223282	Cao Đức Minh	Nhật	Lớp 13DHNA03	2022	19	8,27	81	Giỏi	15.159.000	60%	9.095.400	
154	2034220069	Nguyễn Nhã	An	Lớp 13DHNA02	2022	19	8,04	95	Giỏi	15.159.000	60%	9.095.400	
155	2034225766	Nguyễn Mai Phương	Uyên	Lớp 13DHNA01	2022	15	8,02	81	Giỏi	12.312.000	60%	7.387.200	
156	2034224660	Hoàng Văn	Thái	Lớp 13DHNA01	2022	19	8,01	88	Giỏi	15.159.000	60%	9.095.400	
157	2034225409	Hoàng Thị Thu	Trang	Lớp 13DHNA03	2022	15	8,28	78	Khá	12.107.000	40%	4.842.800	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
158	2028221761	Trần Thị Khánh Huyền	Lớp 13DHDD02	2022	21	8,1	90	Giỏi	15.711.550	60%	9.426.930	
159	2028226341	Võ Thúy Nga	Lớp 13DHDD02	2022	17	8	92	Giỏi	13.278.750	60%	7.967.250	
160	2028223125	Nguyễn Như Ngọc	Lớp 13DHDD01	2022	20	7,94	75	Khá	15.127.750	40%	6.051.100	
161	2028210023	Nguyễn Đặng Thảo Vy	Lớp 12DHDD02	2021	15	8,28	81	Giỏi	10.474.000	60%	6.284.400	
162	2028218889	Lê Tâm Như	Lớp 12DHDD01	2021	17	8,07	74	Khá	12.009.600	40%	4.803.840	
163	2028218918	Nguyễn Thị Ngọc Thê	Lớp 12DHDD02	2021	15	7,97	73	Khá	10.818.000	40%	4.327.200	
164	2028218947	Lê Thị Kim Uyên	Lớp 12DHDD02	2021	15	7,95	99	Khá	10.497.600	40%	4.199.040	
165	2028210165	Nguyễn Hoàng Diệp	Lớp 12DHDD01	2021	15	7,94	74	Khá	10.549.600	40%	4.219.840	
166	2028210033	Nguyễn Trần Ngọc Anh	Lớp 12DHDD01	2021	15	7,88	78	Khá	10.563.800	40%	4.225.520	
167	2034210286	Trịnh Trần Thu Hiền	Lớp 12DHNA03	2021	13	7,91	78	Khá	9.358.000	40%	3.743.200	
168	2034218691	Đào Huỳnh Tuấn Lợi	Lớp 12DHNA02	2021	15	8,37	78	Khá	10.682.000	40%	4.272.800	
169	2034218752	Phạm Thị Minh Tâm	Lớp 12DHNA02	2021	12	7,79	77	Khá	8.432.400	40%	3.372.960	
170	2034218814	Phạm Khánh Vy	Lớp 12DHNA03	2021	12	8,45	77	Khá	8.432.400	40%	3.372.960	
171	2024210058	Tô Cao Nguyên	Lớp 12DHQTDVLH01	2021	10	9,48	82	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
172	2024210180	Huỳnh Duy Thái	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	10	8,56	94	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
173	2024218963	Trần Thị Lan Anh	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	10	8,3	84	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
174	2024210029	Nguyễn Thị Lan Vy	Lớp 12DHQTDVLH01	2021	10	8,22	96	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
175	2024219097	Nguyễn Thị Hải Yến	Lớp 12DHQTDVLH03	2021	10	8,2	97	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
176	2024219007	Nguyễn Trần Quỳnh Liên	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	12	8,17	83	Giỏi	8.285.000	60%	4.971.000	
177	2024218981	Phan Anh Hào	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	10	8,04	83	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
178	2024210050	Nguyễn Hoàng Phi Yến	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	10	9,22	77	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
179	2024210035	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	Lớp 12DHQTDVLH01	2021	10	8,4	75	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
180	2024218967	Vũ Thị Ngọc Bích	Lớp 12DHQTDVLH03	2021	10	8,12	75	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
181	2024219066	Trần Thị Thanh Thúy	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	13	8	75	Khá	8.810.000	40%	3.524.000	
182	2024218971	Nguyễn Thị Chi	Lớp 12DHQTDVLH02	2021	12	7,9	74	Khá	8.285.000	40%	3.314.000	
183	2030210076	Huỳnh Thị Quỳnh	Lớp 12DHQTDVNH01	2021	10	9,26	94	Xuất sắc	6.620.000	100%	6.620.000	
184	2030219498	Phạm Thị Hồng Thắm	Lớp 12DHQTDVNH03	2021	10	9,32	81	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
185	2030210204	Hồ Mai Xuân Hoài	Lớp 12DHQTDVNH01	2021	10	8,46	95	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
186	2030219479	Đặng Thị Thúy Quyên	Lớp 12DHQTDVNH04	2021	12	8,27	104	Giỏi	8.346.000	60%	5.007.600	
187	2030210269	Nguyễn Thị Phương Nguyên	Lớp 12DHQTDVNH01	2021	10	8,26	87	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
188	2030219562	Trịnh Thị Uyên	Lớp 12DHQTDVNH04	2021	10	8,2	84	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
189	2030219371	Bùi Trịnh Ngọc Hân	Lớp 12DHQTDVNH04	2021	10	8,16	83	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
190	2030210350	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Lớp 12DHQTDVNH03	2021	10	8,16	80	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
191	2030219411	Nguyễn Kiều Mỹ Linh	Lớp 12DHQTDVNH04	2021	12	8,15	86	Giỏi	8.080.000	60%	4.848.000	
192	2030210095	Phan Thị Phương Thúy	Lớp 12DHQTDVNH02	2021	15	8,13	80	Giỏi	10.270.000	60%	6.162.000	
193	2030219403	Trần Thị Huỳnh Kiều	Lớp 12DHQTDVNH04	2021	10	8	89	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
194	2030219458	Lê Uyển Nhi	Lớp 12DHQTDVNH03	2021	10	8	81	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
195	2030210374	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	Lớp 12DHQTDVNH03	2021	10	9,18	74	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
196	2030219564	Nguyễn Thị Hồng Vân	Lớp 12DHQTDVNH05	2021	10	8,4	74	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
197	2030219584	Huỳnh Ngọc Yến	Lớp 12DHQTDVNH05	2021	12	8,37	74	Khá	8.080.000	40%	3.232.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
198	2030219412	Nguyễn Phan Thùy Linh	Lớp 12DHQTDVNH03	2021	10	8,36	78	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
199	2030210410	Nguyễn Hoàng Minh Hằng	Lớp 12DHQTDVNH05	2021	10	8,34	77	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
200	2030219485	Dương Trường Sơn	Lớp 12DHQTDVNH04	2021	10	8,24	77	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
201	2030219345	Nguyễn Thị Duyên	Lớp 12DHQTDVNH03	2021	10	8,24	74	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
202	2030219381	Nguyễn Đức Hiếu	Lớp 12DHQTDVNH02	2021	10	8,2	75	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
203	2030210326	Hồ Tiến Lộc	Lớp 12DHQTDVNH02	2021	10	8,18	75	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
204	2030210213	Phạm Thị Ngọc Huyền	Lớp 12DHQTDVNH01	2021	10	8,12	74	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
205	2038219301	Đặng Ngọc Thúy Vy	Lớp 12DHQTKS05	2021	10	9,08	90	Xuất sắc	6.620.000	100%	6.620.000	
206	2038219172	Trương Ngọc Linh	Lớp 12DHQTKS03	2021	19	8,59	86	Giỏi	15.082.150	60%	9.049.290	
207	2038219152	Võ Quang Hưng	Lớp 12DHQTKS04	2021	10	8,4	89	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Khóa học	Số TC	Điểm TBHT	Điểm RL	XLHB	Học phí đã đóng	Phần trăm số tiền HB	Số tiền	Ghi chú
208	2038210601	Nguyễn Tấn Phát	Lớp 12DHQTKS05	2021	10	8,36	86	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
209	2038219310	Bùi Thị Hải Yến	Lớp 12DHQTKS05	2021	10	8,34	85	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
210	2038219153	Lê Thị Thu Hương	Lớp 12DHQTKS04	2021	10	8,32	81	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
211	2038210089	Hà Thị Mỹ Quyên	Lớp 12DHQTKS02	2021	10	8,3	82	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
212	2038210030	Phạm Kiều Diễm	Lớp 12DHQTKS01	2021	10	8,28	90	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
213	2038210313	Trần Võ Bích Thảo	Lớp 12DHQTKS01	2021	10	8,28	80	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
214	2038210436	Nguyễn Phương Hạ	Lớp 12DHQTKS02	2021	10	8,24	82	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
215	2038210549	Nguyễn Thị Mai Thảo	Lớp 12DHQTKS01	2021	10	8,22	85	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
216	2038210515	Huỳnh Minh Thư	Lớp 12DHQTKS01	2021	10	8,1	83	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
217	2038210529	Lê Thị Mai Linh	Lớp 12DHQTKS01	2021	10	8,04	85	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
218	2038210059	Lê Thị Thùy Dương	Lớp 12DHQTKS01	2021	10	8,02	85	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
219	2038210362	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Lớp 12DHQTKS02	2021	10	8,02	80	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
220	2038219269	Huỳnh Thị Bích Trâm	Lớp 12DHQTKS04	2021	10	8	82	Giỏi	6.620.000	60%	3.972.000	
221	2038219282	Vũ Thị Kiều Trinh	Lớp 12DHQTKS05	2021	22	8,19	77	Khá	15.860.000	40%	6.344.000	
222	2038210177	Nguyễn Lê Hoàng Anh	Lớp 12DHQTKS03	2021	10	8,14	78	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
223	2038219250	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Lớp 12DHQTKS04	2021	10	8,14	74	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
224	2038219182	Nguyễn Thị Diễm My	Lớp 12DHQTKS04	2021	16	8,13	78	Khá	11.086.400	40%	4.434.560	
225	2038219264	Đỗ Thùy Trang	Lớp 12DHQTKS04	2021	10	8,12	77	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
226	2038219174	Huỳnh Thị Thu Lợi	Lớp 12DHQTKS04	2021	10	8,12	75	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	
227	2038210123	Hồ Tú Anh	Lớp 12DHQTKS02	2021	10	8,1	75	Khá	6.620.000	40%	2.648.000	